TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019
Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lộc và bà Nguyễn Thị Dung
- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Hằng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà: Ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số: 73/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Gi, sinh năm 1993.
Nơi cư trú: xóm TT, xã DK, huyện D, tỉnh Nghệ An *(vắng mặt)*. Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/6/2019.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: xóm TT, xã DK, huyện D, tỉnh Nghệ An (*vắng mặt)*. Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/6/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức Gi trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2015 tại UBND xã HT, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Việc anh kết hôn với chị H là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã DK. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau bình thường nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung,

tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay cắt đứt mọi quan hệ. Nay anh xét thấy mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nên anh yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/5/2016. Nếu ly hôn anh Gi có nguyện vọng được giao con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Gi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/6/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Gi đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2015 tại UBND xã HT, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Việc chị kết hôn với anh Gi là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình thường. Sau một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp. Vợ chồng sống ly thân cuối năm 2016 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh Gi làm đơn ly hôn, chị đồng ý ly hôn và yêu cầu không tiến hành hòa giải.

- Về nuôi con chung : Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/5/2016. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Yêu cầu anh Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện D đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Thư ký tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức Gi và bị đơn chị Nguyễn Thị H.

Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tình cảm: Xử cho anh Nguyễn Đức Gi được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Anh Gi phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D. Nguyên đơn anh Nguyễn Đức Gi, Bị đơn chị Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức Gi và chị Nguyễn Thị H.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Gi và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2015 tại UBND xã HT, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, xét cuộc hôn nhân là hợp pháp.

Sau ngày cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ cuối năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay anh Gi và chị H đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Anh Gi xin ly hôn, chị H hoàn toàn nhất trí. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh Nguyễn Đức Gi được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/5/2016. Hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai anh Gi có nguyện vọng được giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18

tuổi. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét hiện nay cháu Bảo A đang ở với chị H để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, phát triển lành mạnh toàn diện. Nên cần tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chị H có yêu cầu mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 05/2019 cho đến khi con chung trưởng thành. Anh Gi cũng thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con và thời gian cấp dưỡng như yêu cầu của chị H. Xét mức cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Nên cần buộc anh Gi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 05/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

[4]. Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Gi được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/5/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Gi có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức Gi phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, án phí của anh Gi được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu tiền số 0004587 ngày 05/4/2019. Buộc anh Gi phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức Gi và chị Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN □ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền

Nơi nhận:
- *VKSND huyện D ;*
- *Chi cục thi hành án ;*
- *UBND xã HT, huyện Y ;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu sổ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*